TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU- NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HSST
Ngày 24-4-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đóa.
Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đậu Cao Nhu
2. Bà Đỗ Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Lệ Giang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện VKSND huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Hà Đức Thắng, Chức vụ- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 52/2020 ngày 27/3/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Đình C; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10/8/1999 tại huyện QL, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn 4, xã Q Th, huyện QL, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; con ông: Nguyễn Đình C, sinh năm 1975 và con bà Hồ Thị Th, sinh năm 1977; anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/10/2015, bị Ủy ban nhân dân xã Q Th xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2020 cho đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: Hồ Vĩnh T, sinh ngày 25/6/1996 tại huyện QL, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn 7, xã Q Th, huyện QL, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; con ông: Hồ Vĩnh S, sinh năm 1971 và con bà: Vũ Thị L, sinh năm 1973; anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Bị hại: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1985. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Q Th, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 00 phút ngày 13/01/2020, Nguyễn Đình C đi bộ đến nhà chị Trần Thị Th (là người cùng xóm) mượn xẻng để đi làm. Khi đến nơi C thấy

không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sau đó, C đã tìm kiếm tài sản trong nhà chị Th thì phát hiện một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A30 màu xanh của chị Th để trong phòng ngủ nên C đã lấy trộm mang về. Sau khi trộm được điện thoại C đến nhà Hồ Vĩnh T để nhờ T chở đi đến xã Ngọc Sơn, huyện Quỳnh Lưu để lấy tiền công lao động. Đến khoảng 14 giờ ngày 13/01/2020, Hồ Vĩnh T điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 37L2-08402 đến chở C đi xã Ngọc Sơn. Khi đi qua xã Quỳnh Châu C nói với T là trước đó có nhặt được một chiếc điện thoại và nói với T là dừng lại ở xã Quỳnh Châu để bán, rồi C và T đi vào một quán sửa chữa điện thoại bên đường để bán thì chủ quán trả giá chiếc điện thoại là 1.700.000đ *(Một triệu bảy trăm nghìn đồng)*. Thấy chủ quán trả chiếc điện thoại giá rẻ nên T đã hỏi C để mua lại chiếc điện thoại, C đồng ý và đưa điện thoại cho T rồi cả hai đi về. Trên đường về, T hỏi C về nguồn gốc chiếc điện thoại thì C nói cho T biết là mới lấy trộm chiếc điện thoại trong nhà hàng xóm. Mặc dù biết được chiếc điện thoại do C trộm cắp được mà có nhưng T vẫn không trả lại cho C mà tiếp tục chở C đi về. Khi về đến quán internet ở xóm 5, xã Quỳnh Thắng thì C nói với T có tiền không đưa trước cho C một ít, T đồng ý và đưa trước cho C số tiền mua điện thoại là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng),* số tiền còn lại T hẹn sẽ trả sau cho C, sau đó cả hai đi về nhà.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 56 ngày 16/01/2020 của Hội đồng định giá UBND huyện Quỳnh Lưu kết luận: Chiếc điện thoại mà Nguyễn Đình C trộm cắp của chị Th có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 2.400.000đ *(Hai triệu bốn trăm nghìn đồng)*.

Quá trình điều tra C còn khai trước đó khoảng 10 ngày, C một mình đi đến nhà chị Trần Thị Th chơi thì không thấy ai ở nhà nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. C đi vào nhà chị Th tìm kiếm thì phát hiện thấy trên móc treo quần áo trong phòng ngủ có một túi xách màu đen, lục túi thì thấy có một dây chuyền bằng kim loại màu vàng được chế tác dạng các mắt xích nối với nhau, có lồng các hạt hình cầu cách đều nhau, mặt dây chuyền cũng bằng kim loại màu vàng; 02 chiếc bông tai giống nhau bằng kim loại màu vàng, trên mỗi chiếc đều được lồng một vòng kim loại màu vàng. Khi phát hiện những đồ vật trên, C nghĩ đó là vàng thật (loại vàng 9999) nên đã lấy trộm toàn bộ mang về nhà. Sau khi mang về nhà thì C nghi ngờ là vàng giả nên C đã dùng lửa đốt để thử xem có đúng là vàng thật hay vàng giả, khi đốt lửa vào dây chuyền vàng thì thấy lớp màu vàng bên ngoài cháy đi, phía trong màu trắng nên C biết đó là vàng giả nên đã cất trong nhà chứ không mang đi bán.

Tại bản kết luận giám định số 897/C09-P4 ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Viện khoa học hình sự bộ công an giám định xác định: Chiếc dây chuyền và đôi bông tai mà C trộm cắp của chị Th được làm bằng hợp kim đồng (Cu) và kẽm (Zn) có tổng khối lượng là 5,63 gam được Hội đồng định giá UBND huyện Quỳnh Lưu xác định có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt nếu là vàng thật (vàng 9999) là 6.400.000đ *(Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng)*.

Tại cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu Nguyễn Đình C và Hồ Vĩnh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 70/CT-VKS-HS ngày 25/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình C về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Hồ Vĩnh T về tội

“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đánh giá chứng cứ, hành vi phạm tội của các bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Nguyễn Đình C từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Nguyễn Đình C.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Hồ Vĩnh T từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Hồ Vĩnh T mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 700.000 đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ để nộp ngân sách nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Th đã nhận lại tài sản, nay không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên miễn xét.

Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng đối với bị cáo Nguyễn Đình C do thu lợi bất chính mà có.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Đình C và Hồ Vĩnh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với vật chứng đã thu giữ được và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thể hiện: Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 01 năm 2020 đến ngày 13/01/2020, Nguyễn Đình C đã hai lần lén lút vào nhà chị Trần Thị Th để trộm cắp tài sản.

Lần thứ nhất: Vào khoảng ngày 03/01/2020, Nguyễn Đình C đã trộm cắp 01 dây chuyền; 02 chiếc hoa tai. Khi trộm cắp những tài sản trên Nguyễn Đình C ý thức đó là vàng thật (loại vàng 9999). Những tài sản trên có giá trị tại thời điểm bị chiếm

đoạt nếu là vàng thật (loại vàng 9999) là 6.400.000 *đồng (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).*

Lần thứ hai: Vào khoảng 07 giờ 00 phút ngày 13/01/2020, Nguyễn Đình C đã trộm cắp 01 chiếc điện thoại Samsung A30 có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 2.400.000đ *(hai triệu bốn trăm nghìn đồng),* sau đó bán cho Hồ Vĩnh T. Hồ Vĩnh T biết chiếc điện thoại do C trộm cắp mà có nhưng vẫn mua lại để sử dụng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đình C đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo Hồ Vĩnh T đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây dư luận xấu và hoang mang trong quần chúng nhân dân cũng như gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Đối với Hồ Vĩnh T mặc dù biết tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng do hám lợi nên vẫn tiêu thụ, hành vi này của bị cáo đã tiếp tay cho các hành vi chiếm đoạt tài sản.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Đối với Nguyễn Đình C là người có nhân thân xấu, năm 2015 bị Ủy ban nhân dân xã Q Th xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Trong vụ án này bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ra cơ quan điều tra để đầu thú, đồng thời đã tự thú về hành vi trước đó của bị cáo mà chưa bị ai phát hiện quy định tại điểm r,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, song cũng cần xem xét, giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự bị cáo Nguyễn Đình C còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với Hồ Vĩnh T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải được quy định tại điểm i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, hiện đang được tại ngoại, có khả năng tự cải tạo. Do vậy nên Hội

đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo không giam giữ tại địa phương cũng đủ nghiêm.

Cần khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Hồ Vĩnh T mỗi tháng 500.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Th đã nhận lại tài sản, nay không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quỳnh Lưu đã trả cho chị Trần Thị Th một chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A30 màu xanh kèm ốp lưng màu trắng; 01 dây chuyền bằng hợp kim đồng và kẽm mạ vàng; 02 chiếc hoa tai bằng hợp kim đồng và kẽm mạ vàng do bị Cáo Nguyễn Đình C trộm cắp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* do bị cáo Nguyễn Đình C thu lợi bất chính từ việc bán điện thoại cho Hồ Vĩnh T, sau khi có được số tiền trên bị cáo C đã tiêu xài vào mục đích cá nhân hết, nay cần phải truy thu để sung quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1/ Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Đình C 09 *(Chín)* tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 15/01/2020.

2/ Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo: Hồ Vĩnh T 09 *(Chín)* tháng cải tạo không giam giữ về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q Th, huyện QL, tỉnh Nghệ An nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Hồ Vĩnh T cho Ủy ban nhân dân xã Q Th, huyện QL, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; gia đình bị cáo phối hợp với UBND xã Q Th, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Hồ Vĩnh T mỗi tháng 500.000đ *(Năm trăm nghìn đồng)* trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ để nộp ngân sách Nhà nước.

Tuyên truy thu sung quỹ Nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Đình C số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* do thu lợi bất chính mà có.

3/ Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Đình C và Hồ Vĩnh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Đóa

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại;
- VKSND H.Quỳnh Lưu;
- Cơ quan điều tra h.Q/Lưu;
- Cơ quan thi hành án hình sự h. Q/Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam công an tỉnh Nghệ An;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục THADS huyện Q/Lưu;
- UBND xã Q Th (để biết);
- Lưu Hồ sơ- VP.